

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2021/DSPT

Ngày: 15/6/2021

*V/v tranh chấp Hợp đồng
đặt cọc.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Dũng;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;
Ông Trần Việt Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DSST ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ch

Địa chỉ: Thôn Phù X, xã V, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Khánh Th – Văn phòng Luật sư T; Địa chỉ: Số B Hùng Vương, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền lập ngày 28/10/2020 và ngày 07/5/2021), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Bảo T

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Hồng S; Địa chỉ: Hồng Ch, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và bà Nguyễn Thị S; Địa chỉ: Phan Chu Tr, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 01/12/2020), có mặt.

3. Người làm chứng:

- Ông Trần Đăng H; Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
 - Ông Nguyễn Đắc C, giám đốc Công ty TNHH MTV M; trụ sở đóng tại: Khu công nghiệp Nam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
 - Ông Nguyễn Đắc C, nhân viên Công ty TNHH MTV M; trụ sở đóng tại: Khu công nghiệp Nam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
 - Ông Huỳnh Văn H, giám đốc Công ty TNHH M; trụ sở đóng tại: Trần Hưng Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.
 - Ông Nguyễn Đình Đ và bà Lê Thị Đ; cùng địa chỉ: Thôn Ng, xã Tr, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.
- Người kháng cáo: Ông Lê Bảo T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ch trình bày:

Qua thông tin bà Đỗ Thị Ch được biết ông Lê Bảo T (địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị) cần bán 01 lô gỗ Hương đang cất giữ tại kho hàng của Công ty TNHH MTV M (địa chỉ: Khu Công nghiệp Nam Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) nên bà Ch đã trực tiếp gặp ông T để xem gỗ và trao đổi việc mua bán.

Ngày 19/9/2020, bà Ch và ông T thỏa thuận việc mua bán lô gỗ nêu trên, với nội dung như sau: Ông T đồng ý bán cho bà Ch lô gỗ Hương khoảng 90 tấn với giá 52.000.000 đồng/tấn, tại kho hàng có giấy tờ đầy đủ, địa điểm giao hàng: Tại kho ông C (Nguyễn Đắc C) Khu công nghiệp Nam Đ, ông T đã nhận 30.000.000 đồng tiền đặt cọc, trước sáng ngày 21/9, bên mua có trách nhiệm chuyển tiếp 300.000.000 đồng tiền cọc vào tài khoản của ông T. Nếu sai các điều khoản trên, bên bán phải trả lại tiền cọc và bồi đôi tiền; Bên mua đến ngày 21/9, phải bốc hàng lần 1, trong vòng 15 ngày phải bốc hết số hàng còn lại; số hàng bốc lần 1 phải trả hết khi xe chạy.

Nội dung thỏa thuận nêu trên có bà Lê Thị Đ (địa chỉ: Thôn Ngô N, xã Tr, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh) làm chứng và được lập thành 02 bản, với tiêu đề “Giấy mua bán”. Trong đó, 01 bản do bà Ch viết và 01 bản do ông T viết. Sau khi bà Ch và ông T lập xong “Giấy mua bán”, ông T và bà Ch cùng đọc lại và ký tên, bà Đ cũng ký vào 02 “Giấy mua bán” này. Ông T cất giữ “Giấy mua bán” do bà Ch viết, bà Ch cất giữ “Giấy mua bán” do ông T viết.

Trong ngày 19/9/2020, bà Ch tiếp tục giao tiền mặt và chuyển tiền đặt cọc vào tài khoản của ông T, với tổng số tiền 90.000.000 đồng.

Ngày 20/9/2020, được sự đồng ý của ông T, bà Ch đã giao cho vợ ông T là bà Lê Thị H số tiền 210.000.000 đồng, bà đã nhận đủ và ký xác nhận “Giấy mua bán” do bà

Ch cất giữ. Ngay sau khi nhận đủ 300.000.000 đồng tiền đặt cọc, ông T đồng ý cho bà Ch bốc hàng.

Chiều ngày 20/9/2020, bà Ch thuê 02 xe ô tô mang biển kiểm soát 74C- 042.92 và 74C -038.05 của ông Nguyễn Đăng H (địa chỉ: Khu phố A, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) đến bốc hàng. Trong chiều ngày 20/9/2020 và sáng ngày 21/9/2020 bốc lên 01 xe, đưa xe đi cân và tiếp tục bốc xe thứ 2. Quá trình bốc hàng lên xe đều có mặt ông T tham gia chứng kiến.

Khoảng 10 giờ 30 ngày 21/9/2020, một số người lạ mặt xuất hiện và yêu cầu ông T không được giao hàng cho bà Ch, dẫn đến hai bên cãi vã nhau nên ông T yêu cầu bà Ch tạm dừng việc nhận hàng để ông T giải quyết với những người lạ mặt và cam kết sẽ giao hàng đúng thỏa thuận. Đầu giờ chiều cùng ngày, bà Ch yêu cầu ông T tiếp tục giao hàng. Sau khi trao đổi, ông T yêu cầu bà Ch tiếp tục tạm dừng việc giao hàng để ông T giải quyết tranh chấp với những người lạ mặt.

Trong ngày 21/9/2020, tại địa điểm giao nhận hàng, bà Ch yêu cầu ông T tiếp tục giao hàng. Sau khi trao đổi, ông T quyết định chấm dứt việc giao hàng cho bà Ch, với lý do: Lô hàng bán cho bà Ch, ông T đã giao kết bán cho một người khác và đã nhận tiền cọc của họ nên không thể giao hàng được.

Sáng ngày 22/9/2020, ông T đã chuyển trả lại cho bà Ch 300.000.000 đồng với nội dung: *“Lê Bảo T chuyển trả lại tiền cọc theo giấy mua bán 19/9/2020 cho Đỗ Thị Ch”* và không tiếp tục giao hàng nên bà Ch buộc phải ra về. Số gỗ đã bốc lên 02 xe, ông T đã yêu cầu lái xe chở đến một địa điểm khác.

Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng, nên bà Ch khởi kiện ông T yêu cầu: Buộc ông T phải giao cho bà Ch số tiền 600.000.000 đồng (Tiền phạt) do vi phạm hợp đồng “Giấy mua bán” lập ngày 19/9/2020.

Bị đơn ông Lê Bảo T trình bày:

Theo thỏa thuận mua bán tại “Giấy bán hàng” được xác lập giữa Công ty TNHH MTV Ph với bà Ch, ông T ký kết với tư cách là Giám đốc Công ty Ph; vì gỗ Hương là loại hàng hóa đặc thù nên cá nhân ông T, bà Ch không được phép giao dịch (Mua bán). Tại thời điểm ông T với bà Ch thỏa thuận mua bán vào ngày 19/9/2020, thì lô gỗ hương thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Ph;

Ông T với bà Ch thỏa thuận số tiền đặt cọc thể hiện tại 02 “Giấy mua bán” là khác nhau, cụ thể: “Giấy mua bán” do ông T lập, bà Ch cất giữ thì: Tiền đặt cọc các bên thỏa thuận là 330.000.000 đồng; “Giấy mua bán” do bà Ch lập, ông T cất giữ thì: Tiền đặt cọc các bên thỏa thuận là 30.000.000 đồng, 300.000.000 đồng còn lại là tiền hàng trả trước.

Chiều ngày 21/9/2020, ông T với bà Ch đã thống nhất chấm dứt việc mua bán, có sự chứng kiến của vợ chồng ông Đ, bà Đ. Ngày 22/9/2020, ông T đã chuyển trả lại

cho bà Ch toàn bộ số tiền mà ông đã nhận là 300.000.000 đồng, thực tế hai bên chưa tiến hành giao nhận hàng hóa.

Với những ý kiến nêu trên, nên bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DSST ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 26; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 226; khoản 2 Điều 244 và khoản 2 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ch.

Buộc ông Lê Bảo T có nghĩa vụ giao cho bà Đỗ Thị Ch số tiền phạt cọc là 600.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, cụ thể: Buộc ông Lê Bảo T phải bồi thường thiệt hại cho bà Đỗ Thị Ch số tiền 20.000.000 đồng do vi phạm thỏa thuận gây ra.

Bà Đỗ Thị Ch có quyền khởi kiện lại yêu cầu đã rút bằng một vụ án dân sự độc lập theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trả lại cho bà Đỗ Thị Ch toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện đã rút, nếu có yêu cầu (Tài liệu, chứng cứ kèm theo hiện có tại hồ sơ vụ án).

Về án phí:

Buộc ông Lê Bảo T phải chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Đỗ Thị Ch toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.400.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0000697 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/3/2021 bị đơn ông Lê Bảo T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ch hoặc nếu cần phải xác minh, thu thập thêm chứng cứ thì hủy bản án để giao cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết sơ thẩm lại.

Tại các đơn kháng cáo bổ sung ngày 18/4/2021, ngày 03/5/2021, ngày 06/5/2021 bị đơn ông Lê Bảo T thay đổi nội dung kháng cáo như sau:

Theo nội dung thỏa thuận tại 02 “giấy mua bán” lập ngày 19/9/2020 do ông T và bà Ch viết thể hiện: Việc giao nhận hàng chỉ được thực hiện khi bà Ch giao đủ tiền đặt cọc cho ông T, số tiền đặt cọc là 330.000.000 đồng.

Ngày 19/9/2020 sau khi viết giấy thỏa thuận bà Ch có giao, chuyển cho ông T số tiền 90.000.000 đồng, sáng ngày 20/9/2020 bà Ch tiếp tục giao cho vợ của ông T

(bà H) số tiền 210.000.000 đồng và bà H đã ghi nhận vào giấy do bà Ch giữ. Sau đó bà Ch điện cho ông T bảo là giao đủ tiền cọc theo thỏa thuận nên ông T đồng ý giao hàng. Tuy nhiên, khi kiểm tra lại “giấy mua bán” do bà Ch viết ngoài 30.000.000 đồng đã giao khi viết giấy mua bán, thì bà Ch phải chuyển tiếp cho ông T thêm 300.000.000 đồng nữa mới được bốc hàng lên xe (tổng cộng là 330.000.000 đồng tiền cọc), nhưng bà Ch chỉ mới giao cho ông T số tiền 300.000.000 đồng, vẫn còn thiếu 30.000.000 đồng tiền cọc. Ông T đã trao đổi với bà Ch nội dung vì chưa giao đủ tiền cọc theo như thỏa thuận nên ngừng giao hàng và vợ ông T cũng cản lại việc bà Ch bốc hàng vì chưa giao đủ tiền cọc.

Đến sáng ngày 22/9/2020, ông T có trao đổi với bà Ch về việc không giao hàng do bà Ch chưa giao đủ tiền cọc cho ông T trong ngày 21/9/2020 nên ông T chuyển trả lại 300.000.000 đồng đã nhận của bà Ch. Vì vậy, các bên không thực hiện được việc mua bán hàng hóa là lô gỗ hương theo như thỏa thuận ngày 19/9/2020 là do bà Ch chưa chuyển đủ tiền cọc 330.000.000 đồng như cam kết. Lỗi này không phải do ông T gây ra, nên ông T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của bà Ch về việc buộc ông T bồi thường 600.000.000 đồng tiền phạt cọc.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông T bồi thường 600.000.000 đồng tiền phạt cọc; bị đơn ông Lê Bảo T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Thẩm phán cấp phúc thẩm thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Bảo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Ch khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Bảo T phải trả cho bà Ch số tiền phạt cọc 600.000.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo giấy mua bán ngày 19/9/2020. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc*” và thẩm quyền

giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Thời hạn kháng cáo: Bị đơn ông Lê Bảo T kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Những người làm chứng ông Trần Đăng H, ông Nguyễn Đắc C, ông Nguyễn Đắc C, ông Huỳnh Văn H, ông Nguyễn Đình Đ và bà Lê Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Tuy nhiên, họ đã có bản trình bày ý kiến về nội dung làm chứng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Bảo T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án không chấp nhận yêu cầu của bà Ch về việc buộc ông T phải bồi thường 600.000.000 đồng tiền phạt cọc; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xem xét nội dung thỏa thuận tại 02 “Giấy mua bán” do ông T và bà Ch viết, đều lập cùng ngày 19/9/2020 thể hiện: Ngoài nội dung thỏa thuận về chủng loại hàng hóa, khối lượng dự tính, đơn giá, chi phí bốc vác, chi phí vận chuyển và thời gian giao nhận hàng, thì các bên còn thỏa thuận số tiền đặt cọc, thời gian giao tiền cọc, cụ thể:

Tại “Giấy mua bán” do ông T viết, có nội dung: *“Tôi đã nhận tiền đặt cọc 30.000.000 đồng. Trước sáng ngày 21/9, bên mua có trách nhiệm chuyển tiếp 300 triệu tiền cọc vào tài khoản của anh T. Nếu sai các điều khoản trên, bên bán phải trả lại tiền cọc và bồi đôi tiền; Bên mua đến ngày 21/9 phải bốc hàng lần 1. Trong vòng 15 ngày phải bốc hết số hàng còn lại; Số hàng bốc lần 1 phải trả hết khi xe chạy”*

Tại “Giấy mua bán” do bà Ch viết, có nội dung: *“Tôi đã giao cho bên bán 30.000.000 đồng tiền cọc. Đến ngày 21/9/2020 bên mua có trách nhiệm chuyển tiếp 300.000.000 đồng rồi mới bốc hàng lên xe. Đến ngày 21/9/2020 phải bốc hàng lần 1, khi bốc xong phải chuyển đủ tiền hàng đã bốc thì xe mới chạy. Trong vòng 15 ngày phải bốc hết số hàng còn lại; Từ nay đến ngày 21/9/2020 nếu bên nào sai sẽ có trách nhiệm bồi thường gấp đôi số tiền cọc trên”*.

Với nội dung thỏa thuận được ghi nhận tại 02 “Giấy mua bán” đã thể hiện rõ: Việc cho bốc hàng lên xe chỉ được thực hiện khi bà Ch đã giao đủ tiền đặt cọc là 330.000.000 đồng cho ông T.

Nhưng đến ngày 20/9/2020 khi bà Ch giao cho ông T số tiền 300.000.000 đồng, thì chiều ngày 20/9/2020 ông T đã đồng ý cho bà Ch bốc hàng lên xe. Việc sau khi đã nhận 300.000.000 đồng tiền cọc ông T cho bốc hàng lên xe, thể hiện ông T đã đồng ý tiền cọc chỉ còn 300.000.000 đồng và cho thực hiện hợp đồng mua bán.

Ông T kháng cáo cho rằng do bà Ch chưa chuyển đủ 330.000.000 đồng tiền cọc theo như thỏa thuận tại “Giấy mua bán” ngày 19/9/2020, nên sáng ngày 21/9/2020 ông T ngừng giao hàng và trả lại tiền cọc cho bà Ch. HĐXX xem xét những nội dung trao đổi giữa ông T với bà Ch tại các tập tin ghi âm, ghi hình do bà Ch cung cấp, thấy

rằng: Tại tập tin ghi âm, ghi hình vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 21/9/2020, ông T trao đổi với bà Ch về lý do tạm dừng việc giao hàng, có nội dung: *“Cả mấy thằng nó (Kia) hấn nói dừng lại, hấn chưa cho bốc; em (Bà Ch) đừng nói nữa, để anh (Ông T) giải quyết cho, vợ anh giải quyết cho con Tuyển đó; Bây giờ, tụi ni nó không cho bốc. bây giờ chừ, em chịu khó một đôi ngày, bây giờ anh mới nói đây, riêng hàng nếu không giải quyết được anh kêu (báo) Công an tới”* (Phút thứ 00:00, 01: 18 và 02:15).

Tại tập tin ghi âm, ghi hình vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 22/9/2020, ông T trao đổi với bà Ch về lý do tạm dừng việc giao hàng, có nội dung: *“Bây giờ có bán được đâu, bán được thì làm răng (làm sao) mà bán; Giờ có bán cũng không bán được mà không bán cũng không được; Bây giờ sai thì đã sai nhiều rồi, bán nơi nào cũng như nhau cả, anh cũng không biết nói sao cả, giờ mấy em nói sao đó chứ anh cũng chịu; Tất nhiên anh có viết hợp đồng thì anh nhận sai nhưng tiền cọc của em thì anh đã trả hết rồi, bây giờ em phạt anh bao nhiêu thì cứ nói đi cho anh biết* (Phút thứ 00:58, 01: 10 và 02:15).

Mặt khác, những người làm chứng (Ông H, ông Đ và bà Đ) đều có nội dung: Chiều ngày 20/9/2020 và sáng ngày 21/9/2020, tại kho hàng của Công ty TNHH MTV M, ông T với bà Ch tiến hành giao nhận hàng. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/9/2020 thì ông T với một số người lạ mặt cãi vã nhau, một lát sau thì ông T yêu cầu bà Ch tạm dừng việc giao nhận hàng để ông T giải quyết với những người lạ mặt trước rồi mới tiếp tục giao nhận hàng. Do đó, việc ông T không cho tiếp tục bốc hàng không phải do bà Ch không chuyển trả đủ tiền cọc mà do lô hàng đó có thỏa thuận bán cho người khác, nên xảy ra việc tranh chấp giữa hai người mua hàng khác nhau với ông T và sau đó sáng ngày 22/9/2020 nên ông T quyết định không bán lô gỗ Hương trên cho bà Ch, chuyển trả lại 300.000.000 đồng tiền đặt cọc cho bà Ch.

Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định việc ông T đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo như thỏa thuận, nên kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Bảo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Ông Lê Bảo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Bảo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ch.

Buộc ông Lê Bảo T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đỗ Thị Ch số tiền phạt cọc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

Buộc ông Lê Bảo T phải chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000943 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Ông Lê Bảo T tiếp tục nộp số tiền 28.000.000 đồng án phí.

Trả lại cho bà Đỗ Thị Ch toàn bộ số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 14.400.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0000697 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 12 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q. Trị;
- TAND TP Đ;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Dũng

